

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
THỪA THIÊN HUẾ

Số: 57 /2018/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 1179
	Ngày: 29/10
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 318/TTr-STNMT ngày 08 tháng 10 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

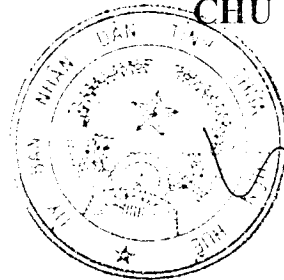
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư Pháp);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KNI.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

Về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, cá nhân người có thẩm quyền chịu trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

2. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, tổ chức có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật (*gọi tắt là các bên tranh chấp đất đai*).

Điều 3. Nguyên tắc cưỡng chế

1. Mọi quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật đều phải được nghiêm túc thi hành. Việc cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật của người có thẩm quyền ban hành và đã có hiệu lực thi hành.

3. Trước khi tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phải thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục các bên tranh chấp liên quan tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

4. Tôn trọng sự thỏa thuận, tự nguyện thi hành của các bên tranh chấp đất đai trong suốt quá trình thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật.

5. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không thực hiện cưỡng chế trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật; trong thời gian 15 ngày trước và sau tết nguyên đán; các ngày truyền thông đối với các đối tượng chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế và các trường hợp đặc biệt khác làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, phong tục, tập quán tại địa phương.

Điều 4. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, gồm:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn pháp luật quy định mà các bên tranh chấp không khiếu nại hoặc không khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

2. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bị khởi kiện đến Tòa án nhân dân nhưng sau đó cơ quan Tòa án trả lại đơn khởi kiện hoặc có quyết định đình chỉ vụ án.

3. Quyết định công nhận hòa giải thành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực pháp luật.

Điều 5. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành;

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp;

3. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực thi hành;

4. Người bị cưỡng chế đã nhận được Quyết định cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản.

Điều 6. Thời hạn cưỡng chế

Thời hạn cưỡng chế không quá 30 ngày kể từ ngày người bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc kể từ ngày lập biên bản về việc người bị cưỡng chế không nhận quyết định cưỡng chế hoặc kể từ ngày tổ chức thực hiện hoàn thành các thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Quy định này.

Điều 7. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế đã có hiệu lực pháp luật đối với đất tranh chấp trên địa bàn thuộc cấp huyện quản lý. Trường hợp diện tích đất tranh chấp thuộc địa bàn hai cấp huyện trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ định.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN HÒA GIẢI THÀNH TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Điều 8. Xác minh điều kiện bảo đảm thi hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật

1. Sau khi nhận được đơn yêu cầu thi hành quyết định của một trong các bên tranh chấp đất đai, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp tiến hành xác minh các điều kiện bảo đảm cưỡng chế thi hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

2. Cơ quan được giao xác minh các điều kiện bảo đảm thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm:

a) Rà soát các điều kiện thực hiện cưỡng chế quy định tại các khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quy định này. Nếu điều kiện nào chưa đảm bảo thì phải báo cáo người có thẩm quyền để thực hiện.

b) Thu thập thông tin về người phải chấp hành, bao gồm các thông tin về: nhân thân, hoàn cảnh gia đình, nơi cư trú, mục đích và những thông tin khác có liên quan.

c) Khảo sát hiện trạng diện tích đất thuộc đối tượng cưỡng chế nhằm xác định rõ tình trạng của đất chuẩn bị cưỡng chế. Trường hợp trên đất cưỡng chế có tài sản, công trình xây dựng, vật kiến trúc khác thì phải xác định rõ số lượng, loại công trình, thời điểm hình thành.

d) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản giao nhiệm vụ xác minh tại khoản 1 Điều này, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện phải có báo cáo bằng văn bản, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định cưỡng chế và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 9. Ban hành Quyết định cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kèm theo hồ sơ, nếu không đủ hồ sơ hợp lệ và điều kiện thì ban hành thông báo và nêu rõ lý do.

2. Quyết định cưỡng chế bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Căn cứ ban hành quyết định cưỡng chế.
- b) Họ, tên, địa chỉ của người bị cưỡng chế.
- c) Nội dung cưỡng chế *(trong đó, phải ghi cụ thể thông tin về thửa đất thực hiện cưỡng chế)*.
- d) Lý do và phương pháp cưỡng chế.
- đ) Thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế.
- e) Trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế *(trong đó phải ghi rõ người chủ trì thực hiện cưỡng chế)*.
- g) Kinh phí để thực hiện việc cưỡng chế.

Điều 10. Gửi, công khai quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi quyết định cưỡng chế cho các bên tranh chấp; người ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan, cá nhân được giao nhiệm vụ cưỡng chế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

2. Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp cho người bị cưỡng chế hoặc người thân trong gia đình có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và phải được lập biên bản giao, nhận, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người nhận và ký xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp.

a) Trường hợp quyết định được giao trực tiếp mà người bị cưỡng chế cố tình không nhận thì Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp lập biên bản về việc không nhận quyết định và được coi là quyết định đã được giao.

b) Trường hợp không thể giao trực tiếp thì gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm. Sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ hai mà bị trả lại do người bị cưỡng chế cố

tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao, nhận.

3. Thời gian giao hoặc gửi quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 2 Điều này là không quá 15 ngày kể từ ngày quyết định cưỡng chế được ban hành.

Điều 11. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, thành phần Ban thực hiện cưỡng chế, gồm:

- a) Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là trưởng ban;
- b) Thành viên đại diện cho các cơ quan cấp huyện gồm: thanh tra, tư pháp, tài nguyên và môi trường, xây dựng; đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất.

2. Tùy theo tính chất của từng vụ việc, ngoài các thành phần tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ sung thành viên Ban thực hiện cưỡng chế cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 12. Tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế

Thời hạn tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế được ban hành; trường hợp quyết định cưỡng chế có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 15 (mười lăm) ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

Điều 13. Thỏa thuận của các bên tranh chấp đất đai sau khi có quyết định cưỡng chế

1. Sau khi có quyết định cưỡng chế, nếu các bên tranh chấp đất đai có thỏa thuận về đất tranh chấp khác với kết quả giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà nội dung thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và thực hiện được trong thực tế thì thi hành theo kết quả thỏa thuận đó.

Việc thỏa thuận của các bên tham gia tranh chấp phải được lập thành văn bản nêu rõ thời gian, địa điểm, nội dung thỏa thuận, có chữ ký của tất cả các bên tranh chấp và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp.

2. Người bị cưỡng chế có trách nhiệm sao gửi văn bản thỏa thuận đã được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này về cơ quan đã ban hành quyết định cưỡng chế để xem xét, quyết định đình chỉ cưỡng chế. Trường hợp nội dung thỏa thuận mà có thay đổi hiện trạng về ranh giới sử dụng đất, chủ sử dụng đất thì phải gửi đến cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền để giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 202 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 14. Lập kế hoạch cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành quyết định cưỡng chế quy định tại Điều 12 Quy định này, Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Kế hoạch cưỡng chế;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt trong thời hạn không quá 02 (hai) ngày kể từ khi nhận được Tờ trình của Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế bao gồm các nội dung: Căn cứ pháp lý; mục đích, yêu cầu; nội dung thực hiện cưỡng chế; thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; các điều kiện đảm bảo thực hiện cưỡng chế; dự kiến tình huống có thể phát sinh, phương án ứng phó; phương án bố trí chỗ ở cho người bị di chuyển chỗ ở nhưng không có chỗ ở nào khác (nếu có); kinh phí cưỡng chế và những nội dung khác có liên quan.

Điều 15. Vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế

Trước khi thực hiện cưỡng chế ít nhất 03 (ba) ngày làm việc, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan liên quan vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế (nếu cần thiết).

1. Trường hợp người bị cưỡng chế chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận việc chấp hành; việc thực hiện các nội dung trong quyết định có hiệu lực pháp luật được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

Trên cơ sở biên bản ghi nhận việc tự nguyện chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật và kết quả thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật của người bị cưỡng chế, người ra quyết định cưỡng chế đình chỉ việc thực hiện quyết định cưỡng chế.

2. Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc cố tình vắng mặt thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản vận động không thành để làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế.

Điều 16. Tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế

1. Trước khi bắt đầu việc cưỡng chế, người chủ trì cưỡng chế đọc, công bố công khai nội dung quyết định cưỡng chế, biện pháp cưỡng chế, thời hạn thực hiện việc cưỡng chế; nêu rõ quyền và nghĩa vụ của người bị cưỡng chế, người thực hiện cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Ban cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế và những người có liên quan ra khỏi khu đất cưỡng chế.

a) Trường hợp cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế bàn giao đất mà trên đất đó có tài sản không thuộc diện phải cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế có quyền buộc cá nhân, tổ chức phải thi hành quyết định cưỡng chế tự chuyển tài sản ra khỏi khu vực đất phải cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện thực hiện thì Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa tài sản ra khỏi khu vực đất đó.

b) Trường hợp cá nhân, tổ chức từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế hoặc tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cưỡng chế và thông báo địa điểm, thời gian để cá nhân, tổ chức có tài sản

nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

c) Trường hợp tài sản trên đất phải cưỡng chế là gia súc, gia cầm, vật nuôi khác làm phát sinh chi phí trông giữ, chăm sóc lớn hoặc tài sản để lâu có thể hư hỏng, giảm giá trị và đã quá hạn ghi trong thông báo (*văn bản*) mà tổ chức, cá nhân không đến nhận lại tài sản thì người ra quyết định cưỡng chế thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thừa Thiên Huế, các phương tiện thông tin truyền thông khác. Nếu đã hết hạn thông báo mà tổ chức, cá nhân vẫn không đến nhận lại tài sản thì cơ quan có thẩm quyền được phép xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp đặc biệt, người bị cưỡng chế vắng mặt vì lý do khách quan (ốm đau, trở ngại khách quan như do điều kiện thiên tai, dịch họa, sự cố bất ngờ) hoặc khi có căn cứ xác định việc thi hành quyết định cưỡng chế làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, nguy cơ đe dọa tính mạng con người thì người ban hành quyết định cưỡng chế quyết định tạm hoãn thi hành quyết định cưỡng chế cho đến khi không còn lý do khách quan; nếu vẫn thi hành quyết định cưỡng chế thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thực hiện cưỡng chế

1. Người ra quyết định cưỡng chế có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế. Trường hợp có yêu cầu lực lượng Công an nhân dân tham gia bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành cưỡng chế thì phải gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an cùng cấp trước 05 ngày để bố trí lực lượng.

2. Lực lượng Công an khi tham gia cưỡng chế có trách nhiệm ngăn chặn các hành vi gây rối, chống người thi hành công vụ, bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình cưỡng chế.

Điều 18. Biên bản thi hành quyết định cưỡng chế

1. Việc thi hành quyết định cưỡng chế phải được lập biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản. Nội dung biên bản ghi rõ: thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thi hành cưỡng chế; người bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người chứng kiến; các biện pháp thi hành; kết quả thi hành; thống kê số lượng, chủng loại, mức độ thiệt hại của tài sản trên đất bị cưỡng chế (nếu có).

2. Người bị cưỡng chế, đại diện cơ quan chủ trì thi hành quyết định cưỡng chế, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và người chứng kiến (*nếu có*) ký vào biên bản. Trong trường hợp có người vắng mặt hoặc có mặt mà từ chối ký biên bản thì việc đó phải ghi vào biên bản và nêu rõ lý do.

Điều 19. Hoàn thành cưỡng chế

1. Ngay sau khi hoàn thành cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và môi trường, phối hợp với Ủy ban nhân dân

cấp xã nơi có đất cưỡng chế và tổ chức, cá nhân có liên quan lập biên bản bàn giao đất ngoài thực địa cho người được công nhận quyền sử dụng đất.

2. Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có báo cáo bằng văn bản về kết quả cưỡng chế cho Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan.

Chương III CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ

Điều 20. Chi phí tổ chức cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế đã phát sinh trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế phù hợp với giá cả ở từng thời điểm.

2. Chi phí cưỡng chế bao gồm:

- a) Chi phí huy động người thực hiện quyết định cưỡng chế.
- b) Chi phí thuê phương tiện tháo dỡ, chuyên chở đồ vật, tài sản.
- c) Chi phí thuê giữ hoặc bảo quản tài sản đã kê biên.
- d) Chi phí thực tế khác (nếu có).

Điều 21. Tạm ứng và hoàn trả chi phí cưỡng chế

Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách cấp huyện và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế. Việc tạm ứng và hoàn trả tạm ứng ngân sách được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 22. Thanh toán chi phí cưỡng chế

Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế tài sản để bảo đảm hoàn trả lại chi phí cưỡng chế.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm phối hợp thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ theo đề nghị của người ra quyết định cưỡng chế.

2. Cơ quan tham mưu ban hành quyết định có hiệu lực pháp luật có trách nhiệm:

a) Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định có hiệu lực pháp luật để phục vụ cho công tác thi hành quyết định khi có yêu cầu của người ra quyết định cưỡng chế.

b) Cử cán bộ, công chức phối hợp tham gia khi có yêu cầu hợp lý của người ra quyết định cưỡng chế.

3. Giám đốc Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm triển khai trong ngành để phối hợp với cơ quan thi hành quyết định khi được yêu cầu; đảm bảo công tác thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật diễn ra an toàn và trật tự, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo thẩm quyền đối với những hành vi cản trở, chống đối trong quá trình tổ chức thi hành quyết định.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực, tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật khi người phải chấp hành không chấp hành.

2. Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế

1. Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện xác minh điều kiện đảm bảo thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật; phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; thông báo trên các phương tiện truyền thông tại địa phương (loa, đài) về việc cưỡng chế; phối hợp cơ quan liên quan bố trí nơi ở tạm, hỗ trợ tìm nơi ở mới cho người bị cưỡng chế trong trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi thực hiện cưỡng chế mà không còn chỗ ở nào khác và không tự tạo lập được chỗ ở mới.

2. Chấp hành quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế, phân công trách nhiệm của người ra quyết định cưỡng chế.

3. Cử lực lượng tham gia công tác cưỡng chế; phối hợp di chuyển người và tài sản (nếu có) ra khỏi nơi cưỡng chế; bảo quản và lập biên bản lưu giữ tài sản của người bị cưỡng chế trong trường hợp được Ban thực hiện cưỡng chế giao theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này.

4. Các trách nhiệm khác khi được giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của người bị cưỡng chế

1. Tuân thủ và thực hiện nghiêm quyết định cưỡng chế, yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

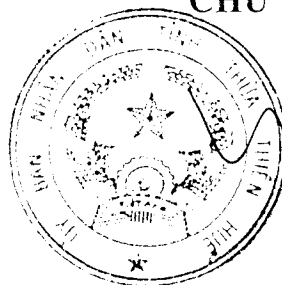
2. Hoàn trả lại toàn bộ chi phí tổ chức cưỡng chế và chi phí bảo quản tài sản (nếu có).

Điều 27. Quy định chuyển tiếp

Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành tranh chấp đất đai ban hành trước ngày quy định này có hiệu lực mà chưa tổ chức thực hiện xong thì thực hiện theo quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề gì mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ